

SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG PHÚ YÊN
TRUNG TÂM ỨNG DỤNG & CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

*****◆*****

BÁO CÁO TỔNG KẾT

ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TẠI XÃ
MIỀN NÚI AN THỌ - HUYỆN TUY AN - TỈNH PHÚ YÊN



Phú Yên 2002

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TỔNG KẾT DỰ ÁN " NÔNG THÔN - MIỀN NÚI "

1. Tên dự án : ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP TẠI XÃ MIỀN NÚI AN THỌ HUYỆN TUY AN TỈNH PHÚ YÊN .

2. Thời gian thực hiện :

- Xét duyệt đề tài :
 - + Cấp cơ sở : ngày tháng 3 năm 2000
 - + Cấp Bộ : ngày 11 tháng 5 năm 2000
- Thời gian thực hiện : tháng 8 năm 2000 đến tháng 8 năm 2002
- Thời gian tổ chức :
 - + Nghiệm thu cơ sở : ngày 11/12/2002 tại UBND xã An Thọ
 - + Nghiệm thu cấp tỉnh: ngày 14/1/2003 tại Sở KHCN&MT Phú Yên .

3. Cấp quản lý : BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG .

4. Cơ quan chủ quản dự án : UBND TỈNH PHÚ YÊN

5. Cơ quan chủ trì thực hiện dự án : SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ & MT PHÚ YÊN

Địa chỉ : 08 Trần Phú - Phường 7 TX Tuy Hòa tỉnh Phú Yên
Điện thoại : 057 842650

6. Chủ nhiệm Dự án : KỸ SƯ LÊ VĂN THÙNG

- Học vị : Kỹ sư Lâm nghiệp
- Chức vụ : Phó Giám đốc Sở KHCN&MT tỉnh Phú Yên
Kiêm nhiệm Giám đốc Trung tâm Ứng dụng & CGCN Phú Yên
- Địa chỉ : 275 Lê Lợi - Phường 5 - TX Tuy Hòa
- Điện thoại : 057 841483

7. Cơ quan chuyển giao công nghệ :

- Trung tâm nghiên cứu Nông nghiệp duyên hải Nam Trung bộ thuộc Viện KHNN Việt Nam
- Địa chỉ : 315 đường Nguyễn Thị Minh Khai - TP Quy Nhơn

8. Cơ quan thực hiện dự án :

Trung tâm ứng dụng & Chuyển giao công nghệ Phú Yên
Địa chỉ : 08 Trần Phú - Phường 7 - TX Tuy Hòa
Điện thoại : 057 842671 - Fax : 057 842650

9. Cơ quan phối hợp : -

- Sở Nông nghiệp & PTNT
- Trung tâm khuyến nông - lâm tỉnh Phú Yên
- UBND huyện Tuy An
- Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện Tuy An
- UBND xã An Thọ

10. Kinh phí thực hiện :

	Kế hoạch	Đã cấp	Thực hiện
- Vốn TW	: 560.000.000	560.000.000	560.000.000
- Vốn địa phương	: 70.000.000	50.000.000	50.000.000
TỔNG CỘNG	: 630.000.000	610.000.000	610.000.000

Phần II

THUYẾT MINH KẾT QUẢ

1. Căn cứ để lựa chọn nội dung và địa bàn của Dự án :

- Xã An Thọ là 1 trong 4 xã miền núi khó khăn và nghèo nhất của huyện Tuy An và trong 24 xã miền núi khó khăn của tỉnh Phú Yên. Đồng thời là xã được UBND tỉnh Phú Yên giao chỉ định Sở KHCN&MT giúp đỡ .

2. Đặc điểm điều kiện tự nhiên :

2.1. Vị trí địa lý :

- **Tọa độ :** 13° 12' 50" đến 13° 19' 10" vĩ độ Bắc

109° 8' 40" đến 109° 15' 5" kinh độ Đông

- **Giới cận :** + Bắc giáp xã : An Linh, An Hiệp, An Hòa huyện Tuy An

+ Đông giáp xã: An Mỹ, An Phú, An Chấn huyện Tuy An

+ Nam giáp xã: Hòa Quang (huyện Phú Hòa)

Hòa Kiến (TX Tuy Hòa)

+ Tây giáp xã: Sơn Long huyện Sơn Hòa .

- Diện tích tự nhiên : 4.264ha. Trong đó NN: 188 ha - lâm nghiệp, chưa sử dụng : 1996 ha .

- Thống kê diện tích sử dụng đất (Năm 2000 - tài liệu địa chính xã)

TT	Hạng mục	Đơn vị	Diện tích
A	Tổng diện tích tự nhiên	ha	<u>4.264</u>
1	Trong đó : Đất nông nghiệp	ha	188
1.1	Lúa 1 vụ	ha	132
1.2	Lúa nương	ha	54
2	Đất trồng mía, màu	ha	764
3	Đất vườn nhà	ha	19
4	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm, lâu năm	ha	701
5	Đất lâm nghiệp	ha	991

5.1	Rừng tự nhiên (thứ sinh)	ha	283
5.2	Rừng trồng	ha	708
6	Đất chuyên dùng	ha	82
7	Đất chưa sử dụng	ha	1.005
	TỔNG CỘNG	ha	4.264

2.2. Đặc điểm địa hình :

- Địa hình là đồi núi, sông suối chia cắt đỉnh cao nhất là 460m, thấp nhất 40m, nên rất dốc, mái nghiêng thấp dần từ Tây sang Đông và từ Bắc xuống Nam, dân cư sinh sống tập trung ở các thung lũng hẹp.

- Đất đai đa dạng phức tạp vùng núi cao phía Tây ở thôn Kim Sơn, Quảng Đức, Tân Lập là đất Bazan vàng đỏ, nguồn nước rất hiếm, thực vật chủ yếu là dây leo, cây bụi, canh tác nông nghiệp chủ yếu là mía đồi, rẫy chuối, sắn, khoai và chăn nuôi bò, vùng phía Đông là đất đen có nhiều đá nổi, nhân dân có tập quán xếp đá chống xói lở hình thành ruộng bậc thang rất đặc sắc trồng mía, vùng ven suối có một số ít là đất phù sa bồi tụ trồng lúa vụ đông, cây màu vụ hè.

2.3. Đặc điểm khí hậu, thủy văn :

Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi chế độ gió mùa đông bắc từ tháng 9 đến tháng 11 là mùa mưa liên tục nhiều ngày thường gây lũ lụt ngập úng, ngăn sách giữa các vùng đi lại khó khăn trong các tháng 11, 12, 01 có rét lạnh nhất là ở vùng cao 300 - 400m ở phía Tây. Gió Lào mùa hè từ tháng 4 đến tháng 7 kéo theo khô hạn. Nhiều vùng thiếu cả nước sinh hoạt.

2.4. Đặc điểm kinh tế - xã hội :

Dân số 2.974 nhân khẩu, 617 hộ không có đồng bào dân tộc, toàn xã có 6 thôn : Phú Cẩn, Phú Mỹ, Lam Sơn, Kim Sơn, Quảng Đức và Tân Lập. Mức sống thu nhập thấp hiện còn 27 hộ đói phải trợ cấp thường xuyên, 127 hộ nghèo, không có hộ giàu.

Sản xuất nông nghiệp cây mía là cây trồng chính có diện tích 700 - 800ha/năm toàn bộ là mía đồi, không có nước tưới nhưng phần lớn là giống cũ, giống mới rất ít.

phương thức canh tác còn quảng canh năng suất thấp 30 - 40 tấn/ha, diện tích sản xuất lúa chỉ có 132ha lúa 1 vụ sử dụng nước mưa tự nhiên ở vụ Đông xuân, năng suất 30 - 40 tạ/ha, không có 2 vụ vì không có hệ thống thủy lợi hồ chứa, đập dâng, các sông suối trong xã đều có lưu vực hẹp, rừng che phủ bị khai phá hoàn toàn, mấy hẳn nguồn sinh thủy, tự túc lương thực bình quân toàn xã khoảng 6 tháng/năm nhu cầu lương thực phải sử dụng còn lại trong năm phải mua từ Thị xã Tuy Hòa bằng các nguồn thu nhập từ cây mía, sản phẩm nương rẫy và con bò, diện tích nương rẫy trồng cây hàng năm, lâu năm như: sắn, môn, đậu, chuối, mít, điều... gần 1.500ha cũng là nguồn thu nhập đáng kể.

Với ưu thế nhiều nơi chăn thả nên chăn nuôi bò phát triển vừa sản xuất hàng hóa vừa tự túc sức kéo, đàn bò 1.840 con bình quân 5, 5 con/hộ là nguồn thu nhập chính cùng với cây mía và các vật nuôi khác như: heo, gà, vịt rất ít. Các ngành sản xuất khác có giá trị không đáng kể.

- **Hạ tầng cơ sở** : + Ngoài đường tỉnh lộ 643 dài khoảng 10km đi từ Đông sang Tây ở phía bắc xã được đầu tư nâng cấp năm 2002 nhờ vốn ADB, nên đi lại từ các thôn Kim Sơn, Quảng Đức, Tân Lập, Phú Cần có thuận lợi hơn, các đường liên thôn, xóm là đường mòn, đi lại chủ yếu là đi bộ, ở đây có loại hình vận chuyển hàng hóa bằng ngựa thồ, cộ bò kéo, về thủy lợi chưa có đập dâng, hồ chứa, kênh mương.

+ Lưới điện quốc gia đã được đầu tư từ năm 2000 hiện nay đã phủ kín các thôn, xóm, tỷ lệ hộ sử dụng điện sinh hoạt khá cao. Nhưng chưa sử dụng cho sản xuất và chưa có nhu cầu.

+ Xã đã có điện thoại - duy nhất 1 cái của UBND xã - Y tế - Giáo dục - văn hóa đánh giá còn thấp; tỷ lệ ^{HS} bỏ học cấp I, II, III khá cao - nguyên nhân đi lại khó khăn, kinh tế thu nhập thấp - phủ sóng truyền hình, truyền thanh 100% các thôn xóm.

Tóm lại : là xã miền núi có rất nhiều khó khăn không có lợi thế về tự nhiên, kinh tế - xã hội, hạ tầng cơ sở chưa được đầu tư, sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, nhưng còn quảng canh, ngành nghề chưa phát triển, nhưng tỷ trọng thu nhập giữa trồng trọt và chăn nuôi gần bằng nhau, đời sống văn hóa còn thấp, ứng dụng khoa học công nghệ rất hạn chế.

3. Mục tiêu và nội dung dự án .

3.1. Mục tiêu dự án :

- **Mô hình điều ghép** : + Áp dụng giống mới điều ghép để chuyển dịch cơ cấu cây trồng ở các vùng đất chưa sử dụng, đất nương rẫy, đất mía năng suất thấp, xây dựng vùng cây điều nguyên liệu tập trung nhằm góp phần bảo vệ môi trường sinh thái .

+ Giải pháp kỹ thuật áp dụng là : thâm canh cây điều, có xen canh cây ngắn ngày để lấy ngắn nuôi dài, mục tiêu năng suất điều đạt 1 tấn/ha/năm .

- **Mô hình sinh hóa đàn bò** : Ứng dụng các giải pháp công nghệ và đầu tư đồng bộ. Nhằm mục tiêu nâng cao tỷ lệ bê lai sinh từ 1% lên 70%, giá trị bê lai gấp 2 lần bê cỏ, nâng cao chất lượng, giá trị đàn bò toàn xã .

- **Phổ biến, chuyển giao công nghệ** : tập huấn nâng cao nhận thức, hiểu biết kỹ thuật của dân trong vùng dự án . Đào tạo 2 kỹ thuật viên cho xã để phục vụ trực tiếp cho nhân dân, là cầu nối với các cơ quan chuyên môn .

- Kết quả dự án sẽ tác động lan tỏa đến các vùng phụ cận cũng như nhiều nơi khác trong huyện, tỉnh .

3.2. Nội dung và quy mô dự án :

a) Mô hình cây điều ghép .

- Quy mô 20.000 cây tương đương 100ha với 150 hộ tham gia với các mô hình áp dụng là : Điều xen với sắn, điều xen với chuối, điều xen các cây dài ngày, ngắn ngày khác .

- Tập huấn kỹ thuật 1 lớp 150 hộ dân tham gia .

- Đào tạo 1 kỹ thuật viên .

- Ứng dụng giải pháp khoa học công nghệ mới là giống mới (điều ghép), phương thức trồng, chăm sóc, thâm canh, có phòng trừ sâu bệnh, ứng dụng các chế phẩm sinh học .

- Kết quả mô hình : Lựa chọn vùng đất đai thích hợp, xây dựng vùng cây điều

tập trung cung cấp nguyên liệu, góp phần bảo vệ môi trường .

b) *Mô hình sinh hóa đàn bò (bò lai) .*

- Quy mô tuyển chọn nái hậu bị đạt 300 con tiêu chuẩn, tổ chức phối trực tiếp nhân tạo đậu thai 600 con .

- Tỷ lệ bê lai sinh ra trong kỳ dự án đạt 70% trên phạm vi toàn xã .

- Đào tạo 1 KTV phối tinh nhân tạo .

- Tổ chức 1 lớp tập huấn 150 người tham gia .

- Ứng dụng giải pháp khoa học công nghệ mới : Tổ chức tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật với các nội dung cơ bản nhân dân phải nắm vững là **phát hiện bò cái động dục, tổ chức bò cái phối trực tiếp, phối nhân tạo, kỹ thuật chăm sóc, nuôi bê con, bò mẹ khi sinh sản** , cải tiến chuồng trại, chế biến, sử dụng thức ăn, phòng trị dịch bệnh .

- Đầu tư bò đực giống: 5 con để phối trực tiếp, phân bổ ở các vùng có bò cái tập trung .

- Đầu tư **dụng cụ thụ tinh nhân tạo** : bình nitor lớn, nitor công tác, bao tay, ống dẫn tinh... để thụ tinh nhân tạo .

- Trang bị **kiểm thiên** : thay thế công cụ thiên thủ công để thiên bò đực chết được thuận lợi .

- Hỗ trợ công chăn dắt, hỗ trợ thức ăn: cho bò đực giống, bò cái có chữa, bê con để nhân dân thực hiện tốt quy trình. Cũng là thực hiện việc gắn kết trách nhiệm quyền lợi giữa kỹ thuật viên với hộ chăn nuôi và dự án .

- Kết quả mô hình : Tỷ trọng bê lai sinh sản trong kỳ 70%, bê cỏ dưới 30% - giá trị bê lai tăng gấp 2 lần so bê cỏ, giá trị đàn bò toàn xã của kỳ tăng hơn 50% .

4. Kết quả công tác chuẩn bị và thực hiện dự án :

4.1. Phương pháp tổ chức thực hiện dự án :

Sau khi dự án được phê duyệt và ký kết hợp đồng trách nhiệm. Cơ quan thực hiện dự án (Trung tâm UD&CGCN) đã quan hệ với các cơ quan (Trung tâm nghiên

cứu DHNTB), các cơ quan quản lý : UBND huyện Tuy An, Phòng Nông nghiệp huyện Tuy An, UBND xã An Thọ để tổ chức thành lập Ban điều hành dự án gồm 6 thành viên, ký kết hợp đồng trách nhiệm với cơ quan chuyển giao công nghệ và đội ngũ cộng tác viên cơ sở ở xã 7 người (2 ở xã và 5 ở thôn). Được sự hỗ trợ của cơ quan chuyển giao công nghệ và cơ quan thực hiện dự án đã tổ chức thực hiện theo các phương pháp sau :

4.2. Phương pháp điều tra, thu thập thông tin dựa vào cộng đồng .

Bằng phiếu thu thập thông tin khoảng 30 chỉ tiêu cho mỗi mô hình .

- Mô hình lai tạo đàn bò đã thu thập được 359 phiếu thu thập thông tin 100% số hộ có bò trong toàn xã kết quả có được các thông tin quan trọng như sau : số hộ có nuôi bò trong toàn xã là 359/617 hộ chiếm 58% số hộ nuôi, tổng đàn bò là 1.862 con trong đó bò cái hậu bị và trưởng thành 782 con chiếm tỷ lệ 41% tổng đàn. Riêng cái có trọng lượng trên 180kg là 346 con, bò đực 461 con tỷ lệ 25%, nghé con 619 con 34%. Ngoài ra trong quá trình điều tra thu thập được nhiều thông tin liên quan như tình trạng chuồng trại, tình hình dịch bệnh, nhất là bệnh LMLM trong các năm qua, phương thức chăn nuôi, trình độ và khả năng tiếp thu KHCN của nông dân, các nguyên nhân tỷ lệ sinh hóa đàn bò quá thấp trong các năm đã qua .

- Mô hình trồng điều có 134 phiếu thu thập thông tin, các thông tin có được là trong phiếu là 100 ha diện tích, các vị trí khu vực, loại đất, hiện trạng cây trồng nhân dân đăng ký đưa vào trồng điều, quá trình điều tra, thu thập thêm nhiều thông tin liên quan khác về cây điều như hiện trạng các vùng điều đã có trước đây, các giải pháp, kỹ thuật canh tác, chăm sóc đã áp dụng, năng suất những năm đã qua .

Việc ghi chép vào phiếu thông tin được tập huấn đầy đủ thông qua hội nghị triển khai và hướng dẫn tỉ mỉ các cộng tác viên thực hiện ở xã, thôn. Quá trình thực hiện có cán bộ kỹ thuật của 2 trung tâm cùng thực hiện .

4.3. Phương pháp chuyên gia :

Phiếu thu thập thông tin được cán bộ kỹ thuật thống kê và phân tích. Sau đó xuống hộ dân để **khảo sát thu thập bổ sung** đánh giá hiện trạng công nghệ đang áp dụng, tập quán sản xuất của nhân dân vùng dự án - khả năng tiếp thu khoa học

công nghệ ứng dụng của nhân dân. Từ đó xây dựng tài liệu, phương pháp tổ chức triển khai để đạt hiệu quả cao nhất .

4.4. Tiến độ thực hiện dự án :

Tiến độ thực hiện dự án như sau :

- Năm 2000 .

TT	Hạng mục công việc	Thời gian	Kết quả đạt được
1	Xây dựng tổ chức dự án	7/2000	Thành lập ban điều hành dự án, thành lập đội ngũ cộng tác viên, ký kết hợp đồng với cơ quan chuyển giao công nghệ
2	Hội nghị triển khai dự án	1/8/2000	1 buổi tại UBND xã: phổ biến nội dung dự án, hướng dẫn điền phiếu thông tin
3	Thu thập thông tin, kiểm tra, phân tích thông tin	8/2000	- Thu thập được 359 hộ đã đăng ký mô hình nuôi bò . - Thu thập được 134 hộ đăng ký mô hình cây Điều .
4	Tổ chức tập huấn kỹ thuật lần 1 2 lớp	9/2000	- 1 lớp tập huấn về lai tạo đàn bò 150 người tham gia . - 1 lớp KT về thâm canh cây điều 150 người
5	Hướng dẫn kỹ thuật lập vườn điều: đào hố, bón phân, trồng cây	9/2000	Cán bộ kỹ thuật 2 Trung tâm trực tiếp suốt vụ trồng .
6	Cung cấp cây giống và tiếp tục trực tiếp hướng dẫn kỹ thuật trồng	25/9/2000	Điều 840 cây, cây khác 360 cây
7	- Hướng dẫn kỹ thuật trồng cung cấp cây giống đợt 2 . - Bón phân, ứng dụng sinh học cây điều	20/10/2000	- Điều 870 cây, cây khác 720 cây . - Có 21 hộ tham gia diện tích 9,3ha .
8	- Cung cấp bò đực giống sinh - Phổ biến thụ tinh trực tiếp, thiến bò chết	15/11/2000	Số lượng 5 con/hộ nuôi/4 thôn

- Năm 2001 :

TT	Hạng mục công việc	Thời gian	Kết quả đạt được
1	Sơ kết năm 2000 - triển khai chăm sóc cây trồng, vận động thụ tinh trực tiếp, nhân tạo, chiến bò cộc	1/2001	Ban điều hành dự án, cộng tác viên...
2	- Tổ chức tập huấn lai tạo đàn bò, chăn nuôi lần 2 - Đào tạo KTV thụ tinh nhân tạo	3/2001 4/2001	- 1 lớp 140 người tham dự - Đào tạo được 2 KTV/tăng 1
3	- Tổ chức trình diễn thiến bò chết, thụ tinh nhân tạo . - Kiểm tra, nghiệm thu bò đậu thai, TT trực tiếp, nhân tạo	-tháng/lần -tháng/lần suốt cả năm 2001	- Trình diễn, kết hợp với huấn luyện KTV cơ sở . - Nghiệm thu, kết hợp phổ biến kỹ thuật trực tiếp cho nông dân
4	Tổ chức điều tra, kiểm tra các hộ đăng ký mô hình trồng điều	6/2001	Số hộ tham gia, được kiểm tra 137 hộ
5	Tập huấn kỹ thuật trồng điều thâm canh đợt 2	7/2001	Mở 3 lớp/3 điểm/140 người tham dự - Trung tâm nghiên cứu DHNTB tập huấn .
6	Hướng dẫn kỹ thuật, kiểm tra đào hố, lấp hố	8-9/2001	Cán bộ 2 Trung tâm và CTV ở xã. Phân tích sai sót để bà con nhân dân khắc phục .
7	Cấp thêm 1 hồ dực giống	7/2001	Thôn Kim Sơn
8	Cung cấp cây giống, phân bón lót, kiểm tra, đôn đốc trồng cây	9/2001	Điều 18.184 cây, cây khác 12.700 cây, 48.184kg phân 3 lá xanh .
9	Kiểm tra cây bị thiệt hại do bão số 8 và cấp cây trồng dặm	11/2001	- Số cây bị thiệt hại do dân báo cáo 4.950 cây . - Cây cấp bổ sung thêm trồng dặm 656 cây .
10	Nghiệm thu kết quả trồng cây năm 2001	12/2001	Diện tích trồng 90,95ha, tỷ lệ sống trên 80%, lũy kế năm 2000 100,2ha (tỷ lệ sống trên 80%)
11	Kết quả mô hình bò lai trong năm 2001	đến tháng 12/2001	- Thụ tinh trực tiếp 287 con - Thụ tinh nhân tạo 10 con Cộng 297 con đạt 49,5% - Thiến bò chết 51 con .

- Tiến độ, công việc năm 2002 .

TT	Hạng mục công việc	Thời gian	Kết quả đạt được
1	Sơ kết thực hiện kết quả năm 2002	1/2002	Ban điều hành dự án, CTV ở huyện, xã .
2	Kiểm tra, đôn đốc chăm sóc cây trồng (xới vun gốc, nghiệm thu kết quả	1-3/2002	Cơ bản cây trồng được xới, vun gốc, xử lý cây chèn ép, cây trồng phát triển tốt, tỷ lệ sống trên 80% .
3	Nghiệm thu : bỏ lai ra đời, thu tinh, trực tiếp, nhân tạo, hướng dẫn kỹ thuật cho người dân	Thường xuyên hàng tháng	Nâng cao nhận thức, hiểu biết kỹ thuật của người dân, thanh toán các kết quả đã thực hiện, tốc độ sinh hóa được đẩy nhanh
4	Kiểm tra thiệt hại do hạn hán năm 2002	tháng 4-5-6/02	Xác định mức độ thiệt hại, đăng ký nhận cây giống để trồng dặm
5	Cấp phát cây giống trồng dặm	9/2002	Cấp gần 5.000 cây điều ghép
6	Tổ chức hội thi bỏ lai	9/2002	Trình diễn 28 bê lai, 8 bò đực giống đông đảo nhân dân trong xã, phụ cận đến xem .
	- Báo cáo kết quả dự án tại xã	9/2002	Lãnh đạo huyện, xã, bà con nông dân và Sở chủ quản .
	- Nghiệm thu để thanh toán các mô hình	9/2002	Trung tâm UD&CGCN + xã + người hưởng thụ
	- Cấp phát 8 bò cái nền cho hộ nghèo	12/2002	Sở KH&CN&MT, Hội nông dân tỉnh, Huyện, Trung tâm và xã và hộ thụ hưởng
	- Nghiệm thu cơ sở từng mô hình cây điều, lai tạo đàn bò tại xã	12/2002	Thành phần tham gia: Sở KH&CN&MT, Phòng NN&PTNT, xã, hộ dân .
	- Nghiệm thu dự án cấp tỉnh	1/2003	Vắng Sở Tài chính VG .

Đánh giá chung : Tiến độ triển khai dự án là kịp thời, phương pháp triển khai có cơ sở khoa học, các lớp tập huấn phù hợp với thời vụ, cung cấp cây giống chất

lượng, đúng thời điểm nên đạt hiệu quả cao và chất lượng. Tuy vậy trong quá trình triển khai liên tiếp bị thiên tai : lụt, bão năm 2001 và hạn hán gay gắt năm 2002. Nên một số cây trồng của năm 2001 ở các vị trí có thổ nhưỡng nghèo, tầng đất mỏng bị chết khá nhiều .

5. Kết quả thực hiện dự án :

1. Chuyển giao công nghệ :

Đây là nội dung cơ bản nhất, nhằm mục tiêu nâng cao nhận thức hiểu biết hơn về ứng dụng khoa học kỹ thuật, thay đổi tập quán sản xuất lạc hậu, ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ tiên tiến, phương pháp chuyển giao gồm: tổ chức lớp tập trung, trình diễn và nắm tay chỉ việc đến từng hộ, từng nhóm hộ .

- Số lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật :

+ Mô hình lai tạo đàn bò : 2 lớp 290 người tham dự

+ Đào tạo được 2 KTV về thụ tinh nhân tạo và chăn nuôi

+ Tổ chức hội thi trình diễn bò lai 1 lần hàng trăm hộ dân trong xã tham quan

+ Các kết quả cụ thể mà người dân tiếp thu và thực hiện ở mô hình sinh hóa đàn bò là :

◆ Phát hiện bỏ cái động dục : Đây là nội dung được tập huấn rất kỹ về thời kỳ bò cái động dục, các biểu hiện sinh lý, biểu hiện ở bướm bò cái .

◆ Phương thức quản lý bò cái tại chuồng chờ bò đực giống đưa tới, hoặc đưa bò cái đến chuồng hò đực .

◆ Các kỹ thuật chăm sóc bê con khi mới ra đời, bò mẹ, phòng chống rét lạnh trong mùa đông, cải tiến chuồng nuôi, nhà phân để chống úng ngập về mùa mưa .

◆ Kỹ thuật thụ tinh nhân tạo, trình diễn về thụ tinh nhân tạo .

◆ Kỹ thuật thiến bò chét quặt ngã bằng 1 sợi dây dù và kiểm thiến thay hoàn toàn phương thức thiến cổ truyền trói bò, nhiều người đề giữ và siết dây ở dái bò .

+ Mô hình cây điều : 4 lớp 150 người tham dự

+ Đào tạo được : 1 KTV trồng trọt .

+ Kết quả cụ thể bà con tiếp thu được là :

♦ Thiết kế bố trí vườn điều: cự ly cây cách cây, hàng cách hàng tùy theo địa hình, hướng dốc.

♦ Kỹ thuật đào hố, lấp hố.

♦ Các kỹ thuật trồng xé bỏ túi bầu, trộn hỗn hợp phân chuồng, phân vô cơ, độ sâu cây trồng, các giải pháp chống úng ở mùa mưa, hạn chế tác hại hạn hán ở mùa nắng, kỹ thuật, thời điểm chăm sóc, bón phân để cây trồng phát triển tốt nhất (cuối mùa mưa khi đất còn ướt và đầu mùa mưa năm sau), kỹ thuật tỉa cành cắt bỏ cành tược, cành đeo bám, cành yếu, tạo nhiều cành, thời điểm loại chế phẩm sinh học ứng dụng (Thiên hải Ngọc....)

Đánh giá kết quả chuyển giao công nghệ : các kỹ thuật viên cơ sở được đào tạo đã nắm bắt được kỹ thuật, phát huy vai trò tích cực là cộng tác viên của dự án, thực hiện tốt vai trò hướng dẫn bà con nông dân áp dụng tiến bộ kỹ thuật về phía bà con nông dân, hầu hết đã áp dụng được các tiến bộ kỹ thuật, đã tập huấn phổ biến như : phát hiện bò cái động dục, tổ chức thực hiện thụ tinh, cải tiến chuồng trại, thức ăn,... hay thâm canh cây điều: đào hố, bón phân.

2. Kết quả thực hiện :

2.1. Mô hình lai tạo đàn bò :

- Cung cấp bò đực giống 6 con tặng 1 con

- Dụng cụ thụ tinh nhân tạo :

+ Bình nitor lớn 35 lít 1 cái

+ Bình nitor công tác 3,5 lít 1 cái

+ Dụng cụ phối tinh 300 bộ

+ Kiểm thiên 1 cái

- Cung cấp 8 bò cái nền cho 8 hộ nghèo thực hiện theo phương thức luân chuyển để có điều kiện thoát nghèo, phần này phát sinh ngoài nội dung ban đầu của dự án.

- Thụ tinh nhân tạo 17 con

- Thụ tinh trực tiếp 755 con

Tổng cộng 24 tháng có 772 con thụ tinh, nhiều con được thụ tinh 2 lần trong kỳ dự án.

- Số bê con sinh ra được trong kỳ, kiểm tra nghiệm thu là : 187 con - tỷ lệ bê lai đạt 73%, bê nội 23%, bê chết 4 con.

- Thiến bò đực chết : 57 con

Đánh giá thực hiện mục tiêu mô hình lai tạo đàn bò đạt kết quả cao từ công tác chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ, tổ chức điều tra thu nhập dữ liệu, tổ chức thực hiện kiểm tra, nghiệm thu... kết quả cụ thể tỉ lệ bê lai gia tăng từ 1% (trước khi có dự án) lên được 73% (khi kết thúc dự án), đàn bò của xã có chất lượng vượt trội, là một trong những xã có đàn bò tốt của tỉnh.

Nguyên nhân như sau :

- Bà con nông dân tiếp thu được khoa học công nghệ ở các khâu cơ bản như : phát hiện bò cái động dục, tổ chức phối tinh..

- Số bò đực giống được nghiên cứu cấp phát phân bổ hợp lý các vùng nuôi nên bà con nông dân có bò cái yên tâm có đủ bò đực giống phối .

- Lực lượng cán bộ kỹ thuật, các cộng tác viên tham gia tích cực trong quá trình thực hiện dự án .

- Yếu tố phụ cấp, hỗ trợ của dự án tính trên đầu sản phẩm cũng có tác động tích cực (1 con bò cái có chứa CTV được 10.000đ, chủ nuôi bò đực được 40.000đ. Hộ có bò cái được 20.000đ).

2. Mô hình thâm canh cây điều:

- Cung cấp cây giống điều ghép: 25.409 cây vượt 5.409 cây.

- Diện tích trồng qui mô 100 ha, thực hiện 100 ha với các loại hình:

- Điều + Sắn : 1 ha
- Điều + xoài + chuối : 70,5 ha
- Điều + môn : 3,6 ha
- Điều + dừa : 21,5 ha
- Điều phân tán qui đổi : 3,4 ha

- Các cây trồng khác đan xen:

- Sắn : 10 tấn
- Khoai môn : 3,6 tấn
- Xoài ghép : 1421 cây
- Dừa cayen : 18.300 cây

Các giải pháp thực hiện thâm canh như: đào hố đúng cách, bón phân, xới gốc được bà con nông dân thực hiện nghiêm túc. Tuy vậy, trong quá trình thực hiện nhiều thiên tai liên tiếp xảy ra: bão số 8 xảy ra tháng 11 năm 2001, làm một số cây xiên

queo, ngập úng bị chết, đã được cung cấp thêm cây giống để trồng dặm kịp thời vụ, đồng thời bà con nông dân đã xới vun gốc và chỉnh sửa cây trồng, nên tỷ lệ sống rất cao trên 80%. Đặc biệt, sau cơn bão số 8 là hạn hán nặng kéo dài nhiều tháng đã gây thiệt hại nặng, các hộ trồng điều ở vùng Phú Cần, Đất Cày, Quảng Đức bị chết từ 70 - 80%, vùng Hòa Đa, Phú Mỹ khoảng 50%. Do đó, phải bổ sung phần 5.000 cây điều để trồng trong năm 2002. Hiện nay, tỷ lệ sống nhiều hộ đạt trên 80%

Những cây điều trồng trong năm 2000, 2001 phát triển rất tốt: cây cao trung bình 1m, đường kính tán 1m, các nhánh phát triển cân đối, nhiều cây vượt trội cao 2,5 m. Do đó, mục tiêu xây dựng trồng điều các nơi đất dốc, bạc màu, định hướng trồng điều trở thành vùng cây nguyên liệu tập trung đã thực hiện được.

- Về đánh giá các kết quả của mô hình xen canh. Các mô hình xen canh gồm:

+ Điều + Sắn và Điều + Môn trồng ở vùng đất bazan đỏ ở Quảng Đức nhằm mục tiêu lấy ngắn nuôi dài, giảm chi phí đầu tư đã đem lại hiệu quả kinh tế đáng kể. Sản lượng *giống KM 94* đạt 15 tấn/ha do không đầu tư phân bón, giá sắn tươi thời điểm 300đ/kg thu nhập trên ha đạt trên 4.5 triệu đồng. Năng suất môn sắn sấp cũng đạt hơn 1 tấn/ha nên 2 mô hình này phát triển và nhân rộng.

+ Các mô hình Điều xen Chuối, Xoài, Dứa,... là những mô hình được áp dụng trên cơ sở rẫy cũ đã trồng chuối, đất mía đã cần cỗi, các mô hình này phổ biến ở các thôn Phú Mỹ, Phú Cần, Phú Lương, Hòa Đa trên đất đồi dốc, có nhiều đá nổi, độ cao dưới 200m đã thấy ngay được hiệu quả về kinh tế thu nhập từ cây chuối, dứa, hiệu quả sinh thái kết cấu cây nhiều tầng thực hiện được mục tiêu góp phần bảo vệ môi trường sinh thái.

Ngoài ra trong quá trình tổ chức thực hiện, điều tra thu thập những cây điều đã có, có thể kết luận sơ bộ bước đầu trồng điều ở các vùng Phú Cần, Phú Mỹ, Phú Lương là vùng thích hợp cây điều phát triển sẽ có năng suất cao. Tuy vậy cây điều là cây dài ngày, thời gian của dự án ngắn nên chưa thể đánh giá được kết quả kinh tế được.

6. Hiệu quả của dự án mang lại :

1. Hiệu quả về khoa học kỹ thuật :

Công tác chuyển giao tiến bộ KHKT là mục tiêu quan trọng nhất của dự án. Đây là nhân tố quyết định thành công của dự án cũng như sự phát triển sau khi dự án

kết thúc. Do vậy, bằng nhiều phương pháp như: phỏng vấn, điều tra, quan sát trực tiếp để xác định trình độ hiểu biết, tập quán sản xuất của bà con nông dân từng vùng, xác định phương pháp chuyển giao khoa học kỹ thuật: gồm tổ chức tập trung lại hội trường; tổ chức trình diễn ứng dụng kết quả khoa học kỹ thuật; tổ chức đào tạo kỹ thuật viên; phân công trách nhiệm các cộng tác viên cơ sở gồm 5 người/ 5 thôn; 2 cộng tác viên ở xã đồng thời cũng là kỹ thuật viên được đào tạo bồi dưỡng. Ngoài ra, các chuyên gia của cơ quan chuyển giao công nghệ thường xuyên hàng tháng công tác xuống cơ sở để hướng dẫn trực tiếp cho cộng tác viên cơ sở, bà con nông dân, kết hợp với công việc kiểm tra, nghiệm thu kết quả từng kỳ. Công việc chuyển giao phổ biến khoa học kỹ thuật đã được nghiên cứu tổ chức thực hiện đúng thời vụ theo từng vùng.

Từ nhiều giải pháp tổ chức chuyển giao công nghệ nên bà con nông dân xã An Thọ nắm bắt được cơ bản về giải pháp kỹ thuật của mô hình lai tạo đàn bò và trồng điều thâm canh được chứng minh bằng kết quả cụ thể đã nêu ở phần trên (và các báo cáo riêng của 2 mô hình).

2. Hiệu quả về kinh tế - xã hội:

Hiệu quả kinh tế - xã hội mang lại trực tiếp rõ nét nhất là mô hình con bò. Bê lai ra đời có trọng lượng lớn gấp 2 lần bê cò, mức tăng trọng hàng tháng rất nhanh 10 - 15 kg/tháng trong giai đoạn 1 năm đầu, tùy điều kiện chăm sóc. Giá trị bê lai loại 1 năm tuổi là 2,5 - 3,5 triệu đồng/con, gấp hơn 2 lần so với bê cò. Hiệu quả kinh tế mang lại từ bê lai đã tác động lớn đến việc chăn nuôi bò của toàn xã. Số đàn bò tăng thêm trong kỳ ước tính khoảng 200 con tỉ lệ 10%, trong đó phần lớn tăng cơ học nhiều bà con nông dân bán bò xấu mua bò tốt, nuôi bò hàng hoá, trồng cỏ thêm, tác động tích cực phát triển đàn bò, trong đó có ảnh hưởng tác động lớn của dự án phát triển bò của tỉnh và vụ mía năm qua được giá cao, nhân dân có tích lũy, khi dự án kết thúc từ tháng 9/2002 đã xuất hiện nhu cầu mới về thụ tinh, chủ hộ bò cái phải thanh toán cho hộ có bò đực 20.000đ/con thụ tinh có chứa thay các khoản phụ cấp của Dự án trước đây. Đối với cây điều, tuy kết quả chưa cao do nắng hạn năm 2002, nhưng cũng có nhiều mô hình đạt kết quả chất lượng cao như mô hình ông Huệ, ông Tài... đồng thời, cây điều ghép trồng năm 2002 trên địa bàn tỉnh đã trồng trên 100.000 cây trong đó phần Trung tâm cung cấp trên 30.000 cây, điều đó cũng gián tiếp chứng minh việc xây dựng mô hình thâm canh cây điều là đúng hướng.

3. Hiệu quả về nhân rộng mô hình:

Cả 2 mô hình xây dựng ở xã An Thọ đến năm 2002 nằm trong các chương trình phát triển Trọng tâm của tỉnh, do đó các kết quả có được của dự án và phương thức tổ chức chuyển giao công nghệ và trình diễn đã tác động đến bà con nông dân ở các xã An Phú, An Mỹ đang có nhu cầu lớn về cây điều là cây trồng chính trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở các nương rẫy.

7. Công tác tài chính :

1. Phân cấp phát:

Ngoài phần nhân dân đóng góp để thực hiện các mô hình dự án đã được Bộ KHCN & MT, vốn sự nghiệp khoa học tỉnh cấp chi phí như sau:

- Vốn SNKHTW: kế hoạch 560 triệu đồng, cấp 560 triệu đồng đạt 100%

- Vốn SNKH địa phương: cấp 50 triệu đồng

Nguồn vốn cấp các năm tương đối kịp thời để thực hiện các nội dung của dự án.

2. Chi đề tài:

Đề tài đã tiến hành trong 24 tháng của 3 năm 2000 - 2001 - 2002

Năm		Tổng số	khoản 1	khoản 2	khoản 3
2000	TW	37.000.000	18.471.500	115.765.000	2.763.500
	ĐP	-	-	-	-
2001	TW	304.309.700	102.904.000	193.333.000	8.072.700
	ĐP	30.000.000	20.101.000	-	9.899.000
2002	TW	118.690.300	22.488.000	93.581.000	2.621.300
	ĐP	20.000.000	10.086.000	-	9.914.000
Tổng cộng		610.000.000	174.050.500	402.679.000	33.270.500

Nhìn chung, các khoản chi rất tiết kiệm, chất lượng sản phẩm cao. Quá trình mua, giao nhận có mời cán bộ địa phương, nhân dân tham gia giám sát, tất cả giá mua đều được cơ quan tài chính phê duyệt. Vì vậy kinh phí xét duyệt được bổ sung thêm các khoản mục rất quan trọng như: thêm 1 bò đực giống, thêm 8 bò cái giống cấp cho các hộ nghèo để xây dựng mô hình chăn nuôi luân chuyển, tổ chức hội thi bò lai...

8. Tổng kết các kinh nghiệm và đề xuất:

Đây là dự án thứ 2 của chương trình nông thôn miền núi đã được Bộ KH-CN & MT phê duyệt hỗ trợ cho Phú Yên (Dự án thứ nhất tại xã Sơn Thành 1998 - 2000), do đó trong quá trình thực hiện một số kinh nghiệm được tổng kết ra như sau:

1. Công tác tổ chức điều hành: có sự thống nhất lựa chọn, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên theo từng mô hình từ cấp thôn, xã, huyện, cơ quan tư vấn và cơ quan thực hiện dự án, các thành viên dự án 11 người gồm (Chủ nhiệm dự án, 2 kỹ thuật viên của Trung tâm UD & CGCN, 3 cộng tác viên tại xã, 5 cộng tác viên ở 5 thôn) nên công việc thực hiện, kiểm tra, nghiệm thu kết quả rất thuận lợi.

2. Công tác điều tra thu thập số liệu và phân tích số liệu thông qua mạng lưới cộng tác viên, và phiếu điều tra được soạn trước, nên dù điều kiện địa hình của xã chia cắt, dân cư phân tán, nhưng các thông tin cần thiết thu thập được rất đầy đủ. Đây cũng là cơ sở quan trọng trong quá trình viết soạn tài liệu, tập huấn, lựa chọn phương pháp tập huấn chuyển giao công nghệ, triển khai mọi công việc thích hợp, đúng thời điểm không làm xáo trộn các hoạt động sản xuất mà còn tác động cộng hưởng hiệu quả rất lớn.

Trong quá trình thực hiện dự án tại xã An Thọ bước đầu có khó khăn do cây mía giá rất thấp, nhân dân trong xã phần lớn kinh tế đã khó khăn lại khó khăn hơn, nên bước đầu triển khai dự án có nhiều khó khăn, nhưng với sự nỗ lực hợp tác của huyện, xã, các đoàn thể trong xã, các chuyên gia của cơ quan chuyển giao công nghệ và sự tổ chức triển khai thực hiện của, CNDA, Trung tâm UD & CGCN, nên tiến độ triển khai và kết quả đạt được rất khả quan, bên cạnh đó còn có thuận lợi phát sinh ở các năm tiếp theo sau là mía được giá, dự án bò sữa của tỉnh triển khai, giá cả bò lai Sind tăng vọt cũng làm cho dự án có thêm động lực thành công.

Tuy vậy, một điều không may trong quá trình thực hiện dự án là thiên tai bão, hạn liên tiếp xảy ra, nhân dân đã tốn công sức rất nhiều mới khôi phục được phần nào thiệt hại ở mô hình cây điều, đã làm cho nhân dân cũng như cán bộ thực hiện dự án không hài lòng các nỗ lực, nhiệt tình trong quá trình thực hiện mô hình này...

Những thành quả đã thực hiện tại xã An Thọ đã phát huy được tại xã và lan toả các xã phụ cận như mục tiêu dự án đã đặt ra./.

CƠ QUAN CHỦ QUẢN DỰ ÁN

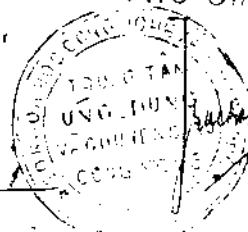
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Dũng

CƠ QUAN CHỦ TRÌ DỰ ÁN

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Văn Sửu

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

Lê Văn Hùng

LÊ VĂN HÙNG